

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 01-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tâm và bà Nguyễn Thanh Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Phi Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Yên Như – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Tổng Hoàng Minh T, sinh ngày 31/10/2006, tại tỉnh Lâm Đồng; CCCD số: 068206010614; nơi cư trú: Bon K, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nay là Bon K, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Văn B và bà Trần Thị X; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

2. Đỗ Hồng N, sinh ngày 07/01/2007, tại tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng); CCCD số: 067207000015; nơi cư trú: Thôn NH, xã ĐN, thành phố GN, tỉnh Đắk Nông nay là Thôn NH, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Mạnh C và bà Vi Thị K; bị cáo chưa có vợ, con; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

****/ Bị hại:***

- Anh Đào Mạnh D; sinh năm 1998; địa chỉ: Khu 7, phường V, tỉnh Phú Thọ – Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố KH, phường XD, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Anh Trương Văn C, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 15, khu phố 1, phường B, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- Anh Ngô Văn Cg, sinh năm 2003; địa chỉ: TC 3, xã PT, thành phố Hải Phòng – Vắng mặt.

- Chị Vòng Thuý Nh, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện TN, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Châu G, sinh năm 1998; địa chỉ: Tiểu khu 40, thị trấn NT, huyện M, tỉnh Sơn La – Vắng mặt.

- Anh Vũ Anh V, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn TH, phường 1 B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

- Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1995; địa chỉ: 61 Lê Thị Tr, phường A, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Hôn ĐT, xã NĐ, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Công Việt H, sinh năm 2003; địa chỉ: 373/7A, tổ 9, khu phố 2, phường H, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Anh Lý Đình L, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp 2, xã NT, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ 7, phường LH, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Anh Lưu Đình B, sinh năm 2004; địa chỉ: Khu phố 4, xã XL, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Anh Hồ Công H, sinh năm 2005; địa chỉ: Khu phố 8, xã NS, tỉnh Khánh Hoà – Vắng mặt.

- Anh Không Minh Tr, sinh năm 1997; địa chỉ: 135/51 Trần Quốc T, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

- Anh Phù Quốc M, sinh năm 2000; địa chỉ: 39/N4, phường LN, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 4/2024, Tống Hoàng Minh T thông qua mối quan hệ xã hội và thông tin trên mạng xã hội, biết trên mạng Facebook có nhiều tài khoản live trực tiếp nội dung “*Nhận kéo tài xỉu*”, với lời chào mời, cam kết “*Đầu tư 1 triệu sẽ nhận về 10 triệu*” khi có người đồng ý tham gia thì đối tượng live trực tiếp yêu cầu người tham gia chuyển khoản số tiền đầu tư vào tài khoản ngân hàng do đối tượng cung cấp, sau khi chuyển khoản thì chụp hình ảnh giao dịch chuyển khoản gửi trực tiếp lên bình luận của nhóm live để xác nhận và chờ để nhận được số tiền như cam kết. T biết rõ thực chất, khi người đầu tư chuyển tiền vào số tài khoản do đối tượng cung cấp thì đã bị các đối tượng này lừa đảo, chiếm đoạt nên sau khi theo dõi các trang live trên thì T tìm kiếm thông tin của người đầu tư (*tài khoản facebook, Zalo...*), sau đó T sẽ sử dụng tài khoản Facebook tên “Minh T” (*do T lập và sử dụng, phục vụ việc lừa đảo*) nhắn tin cho bị hại biết việc đầu tư vào trang live nhận kéo tài xỉu là lừa đảo và nói có cách để lấy lại được tiền, nếu muốn lấy lại tiền thì kết bạn với tài khoản Telegram hoặc Zalo của T để được hướng dẫn. T nói bị hại chụp hình ảnh giao dịch chuyển khoản gửi cho T để T kiểm tra thông tin giao dịch chuyển khoản trên hệ thống, sau khi có hình ảnh thông tin chuyển khoản thì T tự làm một danh sách có tên của nhiều người đã chuyển tiền gồm các trường thông tin, trong đó có cả tên của bị hại, T gửi danh sách này cho bị hại xem, kiểm tra có giao dịch chuyển khoản của mình không, bị hại xem danh sách xác nhận có giao dịch của mình, thì T yêu cầu bị hại chuyển số tiền tương ứng với số tiền ghi trong danh sách vào tài khoản của hệ thống (*thực chất là tài khoản ngân hàng của T*) kèm theo cú pháp do T hướng dẫn để hệ thống hoàn trả lại tiền, sau khi bị hại chuyển tiền thì T lấy nhiều lý do khác nhau (*như sai số thứ tự trong danh sách, thiếu thông tin, sai thông tin ...*) nên tiền bị treo, hệ thống không trả về được và với lý do như trên thì T yêu cầu người bị hại thực hiện chuyển nhiều lần tiền, cho đến khi bị hại không còn tiền hoặc phát hiện ra mình bị lừa thì T sẽ chặn mọi liên lạc để chiếm đoạt số tiền đã nhận được.

Đến khoảng đầu tháng 6/2024, T rủ Đỗ Hồng N cùng thực hiện hành vi lừa đảo với hình thức như trên thì N đồng ý, sau đó T và N sử dụng các tài khoản Facebook và Zalo cùng có tên “Đỗ N” và tài khoản mạng xã hội Telegram tên “HOTRONGANHANGAO8888” của N để thực hiện hành vi phạm tội. T và N cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo đến ngày 21/6/2024 thì không làm cùng nhau nữa.

Quá trình thực hiện hành vi, T mượn tài khoản ngân hàng Vietcombank số 986537104 của anh Lê Mạnh L1 và tài khoản ngân hàng Á Châu số 7672471 của anh Nguyễn Hoài N1; N mượn tài khoản ngân hàng MB số 725691691123 của chị Lê Thị Hiếu A1 để nhận tiền lừa đảo. Trong quá trình thực hiện hành vi, T và N không cho những người này biết số tiền nhận được là từ lừa đảo mà có. Đến cuối tháng 7/2024 thì hành vi

của cả hai bị Cơ quan Công an phát hiện. Qua quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của người khác, cụ thể như sau:

- Bị cáo Tống Hoàng Minh T lừa đảo chiếm đoạt tiền của 12 người với tổng số tiền 33.550.000 đồng. Cụ thể:

1. Ngày 04/5/2024, anh Đào Mạnh D bị chiếm đoạt tổng số tiền 9.000.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

2. Ngày 08/5/2024, anh Nguyễn Văn K bị chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

3. Ngày 12/5/2024, anh Nguyễn Văn M bị chiếm đoạt số tiền 4.600.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

4. Ngày 12/5/2024, anh Trương Văn C bị chiếm đoạt số tiền 400.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

5. Ngày 29/5/2024, anh Ngô Văn Cg bị chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng qua tài khoản ACB của N1 và VCB của L1.

6. Ngày 06/6/2024, chị Vòng Thúy Nh bị chiếm đoạt số tiền 750.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

7. Ngày 08/6/2024, chị Nguyễn Thị Châu G bị chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

8. Ngày 19/6/2024, anh Vũ Anh V bị chiếm đoạt tổng số tiền 3.900.000 đồng qua tài khoản ACB của N1 và VCB của L1.

9. Ngày 24/6/2024, anh Trần Tuấn A bị chiếm đoạt số tiền 400.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

10. Ngày 26/6/2024, anh Nguyễn Đức T1 bị chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

11. Ngày 29/6/2024, anh Nguyễn Công Việt H bị chiếm đoạt tổng số tiền 1.000.000 đồng qua tài khoản ACB của N1 và VCB của L1.

12. Ngày 06/7/2024, anh Lý Đình L bị chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

- Bị cáo Đỗ Hồng N lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 người với tổng số tiền 1.200.000 đồng. Cụ thể:

1. Ngày 07/6/2024, anh Nguyễn Duy Đ bị chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng qua tài khoản MB 72569169123 của A1.

2. Ngày 26/7/2024, anh Lưu Đình B bị chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng qua tài khoản MB 72569169123 của A1.

- Bị cáo Tổng Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N cùng nhau lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 03 người, chiếm đoạt tổng số tiền 16.928.000 đồng. Cụ thể:

1. Ngày 09/6/2024, anh Hồ Công H bị chiếm đoạt số tiền 14.000.000 đồng qua tài khoản VCB của N và L1.

2. Ngày 19/6/2024, anh Khổng Minh Tr bị chiếm đoạt số tiền 2.678.000 đồng qua tài khoản VCB của N và ACB của N1.

3. Ngày 20/6/2024, anh Phù Quốc M bị chiếm đoạt số tiền 250.000 đồng qua tài khoản ACB của N1.

Như vậy, Tổng Hoàng Minh T phải chịu trách nhiệm về số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là 50.478.000 đồng; Đỗ Hồng N phải chịu trách nhiệm về số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác 18.128.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: 01 điện thoại di động, kiểu dáng Iphone 15 Promax, màu xám, IMEI 1: 358181357122312, IMEI 2: 358111118135723696, có gắn sim mang số điện thoại 0368749643. (*Thu giữ của Tổng Hoàng Minh T*)

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKS-GN, ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng) đã truy tố bị cáo Tổng Hoàng Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và Đỗ Hồng N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Tổng Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng) truy tố các bị cáo là đúng, không oan.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tổng Hoàng Minh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm đến 05 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Hồng N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm đến 03 năm.

- *Về hình phạt bổ sung*: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Bị hại Hồ Công H yêu cầu bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, Nguyễn Đức T1 yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, Ngô Văn Cg yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Hiện bị cáo T đã bồi thường cho anh Nguyễn Đức T1, Ngô Văn Cg mỗi người số tiền 2.000.000 đồng. Cần buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường cho các bị hại theo quy định. Đối với số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt mà các bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với điện thoại di động thu giữ của bị cáo T là phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo Tống Hoàng Minh T, Đỗ Hồng N đã chiếm đoạt sau khi trừ đi số tiền các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho các bị hại có yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo Tống Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Từ ngày 04/5/2024 đến ngày 26/7/2024, tại địa bàn thành phố GN, tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng), thông qua trang lừa đảo trên Facebook đầu tư sinh lợi nhuận bằng hình thức kéo tài xỉu, Tổng Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N đã đưa ra các thông tin gian dối về việc có thể lấy lại số tiền đã bị lừa, để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Tổng số tiền Tổng Hoàng Minh T đã chiếm đoạt là 50.478.000 đồng của 15 bị hại, Đỗ Hồng N đã chiếm đoạt số tiền 18.128.000 đồng của 05 bị hại.

Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận các bị cáo Tổng Hoàng Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và Đỗ Hồng N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

..... ”

[3] Xét thấy, tội phạm do các bị cáo Tổng Hoàng Minh T thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng và Đỗ Hồng N thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết rõ hành vi dùng mạng xã hội Facebook đưa ra các thông tin gian dối về việc có thể lấy lại số tiền đã bị lừa, để chiếm đoạt tiền của các bị hại là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Tổng Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại, trong đó có 07 bị hại bị chiếm đoạt với số tiền trên 2.000.000 đồng, do đó các bị cáo T và N phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Hồng N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Tống Hoàng Minh T đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Lâm Đồng, bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đức T1 và anh Ngô Văn Cg 4.000.000 đồng, mỗi người 2.000.000 đồng và các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đỗ Hồng N đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 7.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ngoài ra, các bị cáo Tống Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N đều có nhân thân tốt, thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng thêm quy định tại các Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo T là người rủ rê bị cáo N, trực tiếp hướng dẫn bị cáo N cách thực hiện hành vi phạm tội, số lần thực hiện hành vi nhiều hơn, chiếm đoạt số tiền nhiều hơn bị cáo N nên cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao hơn bị cáo N.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, đồng thời xét việc các bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo T hiện đang đi học nghề, bị cáo N hiện đang là sinh viên đại học nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Anh Ngô Văn Cg yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng; Anh Nguyễn Đức T1 yêu

cầu bồi thường số tiền 5.000.000 đồng và Anh Hồ Công H yêu cầu bồi thường số tiền 14.000.000 đồng. Tổng số tiền 3 bị hại yêu cầu bồi thường là 25.000.000 đồng.

Trong đó, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Anh Hồ Công H số tiền 14.000.000 đồng, mỗi bị cáo 7.000.000 đồng. Chấp nhận việc bị cáo Đỗ Hồng N đã nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Tống Hoàng Minh T đã nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo Tống Hoàng Minh T phải bồi thường cho anh Ngô Văn Cg số tiền là 6.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Đức T1 số tiền là 5.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với điện thoại di động, kiểu dáng Iphone 15 Promax, màu xám, IMEI 1: 358181357122312 thu giữ của bị cáo T là phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Tống Hoàng Minh T đã chiếm đoạt là 50.478.000 đồng và Đỗ Hồng N đã chiếm đoạt là 18.128.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo phạm tội mà có, sau khi đã trừ đi số tiền các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại có yêu cầu bồi thường, số tiền còn lại cần truy thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, cần chấp nhận.

[12] Đối với số tiền 130.050.000 đồng từ các tài khoản ngân hàng khác đến số tài khoản ngân hàng mà các bị cáo cung cấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng) đã thông báo truy tìm các bị hại trên các phương tiện thông tin đại chúng và ủy thác điều tra đến Công an các địa phương trên toàn quốc nhưng không có kết quả, nên không có căn cứ xử lý.

[13] Đối với Lê Thị Hiếu A1, Lê Mạnh L1, Nguyễn Hoài N1 cho T và N sử dụng tài khoản để nhận tiền lừa đảo nhưng không biết các giao dịch chuyển tiền vào là do lừa đảo người khác mà có, mặt khác A1, L1, N1 không được hưởng lợi gì từ việc cho mượn tài khoản ngân hàng nói trên nên không có căn cứ xử lý.

[14] Về án phí: Bị cáo Tống Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Tổng Hoàng Minh T, Đỗ Hồng N phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tổng Hoàng Minh T** 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 01/8/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 01/8/2025.

Giao bị cáo Tổng Hoàng Minh T cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Đỗ Hồng N cho Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho bị cáo hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Tổng Hoàng Minh T bồi thường cho anh Ngô Văn Cg 4.0000.000 đồng (Bốn triệu đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Đức T1 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Buộc bị cáo Tổng Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N liên đới bồi thường cho Anh Hồ Công H số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), được trừ đi số tiền bị cáo Đỗ Hồng N đã tự nguyện nộp số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), bị cáo Tổng Hoàng Minh T đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) khắc phục hậu quả tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo Tống Hoàng Minh T số tiền 25.478.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Đỗ Hồng N số tiền 11.128.000 đồng (Mười một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 Promax, màu xám thu giữ của bị cáo Tống Hoàng Minh T.

(Đặc điểm của vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Lâm Đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Tống Hoàng Minh T và Đỗ Hồng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

